

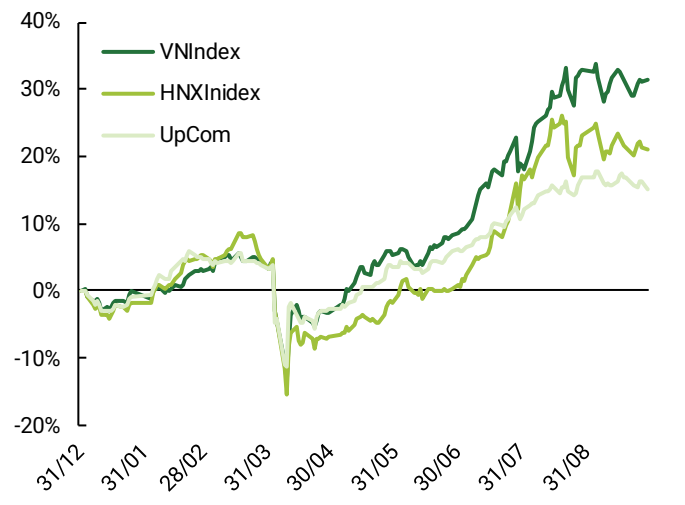
VN-Index **1666.48 (0.35%)**
 970 Tr. cổ phiếu 27172.4 Tỷ VND (0.38%)

HNX-Index **275.15 (-0.33%)**
 80 Tr. cổ phiếu 1796.7 Tỷ VND (-25.05%)

UPCOM-Index **109.29 (-1.21%)**
 32 Tr. cổ phiếu 456.6 Tỷ VND (-30.37%)

VN30F1M **1855.20 (0.83%)**
 270,241 HD OI: 37,724 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1666.5 điểm, tăng +5.8 điểm (+0.35%); VN30 tăng +9.6 điểm (+0.52%); HNXIndex giảm -0.9 điểm (-0.33%). Khớp lệnh giảm nhẹ với độ rộng nghiêng về số mã giảm giá.
 - Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup giữ vai trò nâng đỡ trong khi mặt bằng chung cổ phiếu chịu áp lực điều chỉnh. Dòng tiền trở lại phân hóa với các bước tăng đơn lẻ, mức lan tỏa vẫn suy yếu.
 - Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng tích cực trong phiên: Ngân hàng: CTG (+0.6%), VPB (+2.3%), HDB (+2.5%) | Bất động sản: VHM (+2.9%), VIC (+5.4%), VPI (+2.4%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (+4.5%), GEE (+6.9%) | Chứng khoán: HCM (+0.8%), VCI (+1.2%), CTS (+3.4%). Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng yếu trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: VHC (-3.5%), IDI (-2.4%), KDC (-2.3%) | Tiện ích: REE (-2.0%), POW (-1.3%) | Tài nguyên Cơ bản: SMC (-6.8%), PTB (-3.1%), TLH (-2.5%) | Xây dựng và Vật liệu: NHA (-3.8%), CTI (-2.7%), FCN (-2.7%) | Hóa chất: AAA (-2.2%), CSV (-1.7%), DGC (-1.5%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VPB, GEE - Chiều giảm | HVN, FPT, VCB, BSR.
- Khối ngoại tiếp tục Bán ròng hơn 700 tỷ đồng, tập trung nhiều ở SSI, DIG, VNM, DXG, trong khi mua ròng VPB, GEX, TAL.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến sao băng cho thấy lực cung vẫn chi phối trong chiều hướng phục hồi. Mặc khác, độ rộng thị trường chưa có nhiều cải thiện khi đà tăng được đóng góp phần lớn từ nhóm cổ phiếu trụ, còn mặt bằng chung cổ phiếu chịu áp lực điều chỉnh. Trạng thái có lẽ tiếp tục lưỡng lự và rung lắc đi ngang quanh ngưỡng 1660 (+/- 15 điểm). Trường hợp chỉ số bứt phá và duy trì được trên ngưỡng 1680 điểm có thể kỳ vọng quay lại quán tính tăng. Trong khi một sự thoái lui dưới ngưỡng 1640 điểm sẽ xác nhận cho đà giảm chi phối trở lại.
- Đối với HNX-Index**, nỗ lực tăng điểm bất thành và lực cung lần nữa đẩy chỉ số về sắc đỏ. Dù vậy, điểm tích cực là thanh khoản thấp nên vận động vẫn mang tính củng cố trong vùng hỗ trợ 272 – 278.
- Chiến lược chung:** Vì sự phân hóa đang diễn ra mạnh, nên dù thị trường có thể tiếp tục cân bằng nhưng cần chú trọng danh mục nắm giữ để cơ cấu phù hợp. Đối với các cổ phiếu vi phạm nên cơ cấu dứt khoát. Điểm sáng là nhóm Tài chính (Ngân hàng, Chứng khoán) sau giai đoạn hạ nhiệt trước đó đang bắt đầu cân bằng, dù mức lan tỏa chưa cao nhưng có thể bắt đầu chú ý trở lại.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán REE, VNM (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,666.5	📉	0.35%	2.0%	-0.9%	27,172.4	📉	0.4%	-24.2%	-39.7%	969.6	📉	-3.0%	-20.2%	-36.5%	
HNX-Index	275.2	📉	-0.3%	0.3%	-1.7%	1,796.7	📉	-25.1%	-28.3%	-44.2%	79.6	📉	-28.3%	-29.1%	-45.5%	
UPCOM-Index	109.3	📉	-1.2%	-0.8%	-1.5%	456.6	📉	-30.4%	-36.6%	-62.1%	31.5	📉	-40.2%	-31.6%	-68.1%	
VN30	1,862.2	📉	0.5%	2.3%	-0.2%	13,256.2	📈	6.3%	-32.1%	-43.6%	364.4	📈	5.9%	-29.5%	-46.4%	
VNMID	2,488.0	📉	-0.3%	0.7%	-3.4%	11,378.6	📉	-1.4%	-13.5%	-35.2%	419.2	📉	-1.8%	-15.6%	-29.8%	
VNSML	1,601.3	📉	-0.92%	0.7%	-0.9%	1,647.3	📉	-23.6%	-25.1%	-42.5%	105.9	📉	-26.8%	-25.9%	-41.0%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	660.1	📉	0.1%	0.2%	-3.8%	7,401.7	📈	10.0%	-9.5%	-25.5%	285.2	📈	16.2%	-12.1%	-23.0%	
Bất động sản	587.2	📈	2.8%	2.6%	6.6%	5,382.5	📉	-9.3%	2.9%	1.9%	198.6	📉	-13.0%	1.2%	-2.9%	
Dịch vụ tài chính	367.4	📉	-0.1%	-1.2%	-1.7%	3,285.0	📉	-13.4%	-20.1%	-42.0%	108.5	📉	-9.6%	-19.8%	-40.4%	
Công nghiệp	259.5	📈	2.0%	-2.2%	0.6%	2,125.3	📈	111.3%	47.9%	42.7%	50.3	📈	73.8%	34.0%	41.3%	
Tài nguyên cơ bản	566.4	📉	-0.1%	-2.3%	5.4%	1,617.3	📉	-4.4%	-9.8%	-45.6%	65.7	📉	-7.6%	-13.3%	-44.6%	
Xây dựng - Vật Liệu	201.9	📉	-0.7%	-0.2%	-6.7%	2,068.8	📉	-24.7%	-0.1%	9.0%	88.8	📉	-24.8%	-3.7%	3.3%	
Thực phẩm	550.8	📉	-0.5%	-0.9%	1.6%	1,609.3	📈	3.6%	4.7%	-23.4%	49.6	📉	0.9%	20.9%	-7.1%	
Bán Lẻ	1,406.9	📉	-1.0%	-1.0%	4.0%	613.8	📈	7.3%	-9.5%	-38.0%	8.6	📉	-0.6%	-12.7%	-40.3%	
Công nghệ	508.4	📉	-1.9%	-5.1%	-2.3%	1,141.8	📈	23.3%	-13.7%	-16.2%	13.0	📈	17.6%	-16.5%	-20.2%	
Hóa chất	171.7	📉	-0.9%	-0.3%	-2.2%	349.9	📉	-6.3%	1.5%	-37.0%	9.9	📉	-47.8%	-16.7%	-38.0%	
Tiện ích	664.2	📉	-0.5%	-0.7%	-2.7%	274.4	📉	-5.0%	-20.8%	-37.0%	12.6	📉	-11.4%	-18.3%	-37.8%	
Dầu khí	75.2	📉	-1.4%	2.9%	-0.4%	292.5	📉	-33.3%	-26.4%	-43.0%	11.2	📉	-31.7%	-26.2%	-43.0%	
Dược phẩm	431.5	📉	-0.3%	0.0%	3.8%	215.0	📈	146.7%	315.7%	289.3%	10.2	📈	148.2%	272.0%	191.3%	
Bảo hiểm	92.9	📉	-0.6%	-1.2%	-5.3%	24.0	📉	-53.3%	-28.9%	-54.4%	0.8	📉	-58.1%	-32.4%	-47.4%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,666.5	0.3%	31.6%	16.0x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,288	0.7%	-8.0%	14.8x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,123	0.3%	14.7%	19.7x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,988	-0.04%	-4.7%	15.9x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,998	-0.5%	-8.1%	10.3x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,863	0.9%	15.2%	18.7x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	26,623	1.9%	32.7%	12.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	45,044	-0.7%	12.9%	21.1x	2.4x
S&P 500	Mỹ	6,644	0.6%	13.0%	27.6x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	46,247	0.7%	8.7%	24.4x	5.7x
FTSE 100	Anh	9,349	0.7%	14.4%	14.1x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,507	0.1%	12.5%	16.9x	2.3x
DXV		98	-0.17%	-9.7%		
USDVND		26,419	0.05%	3.7%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

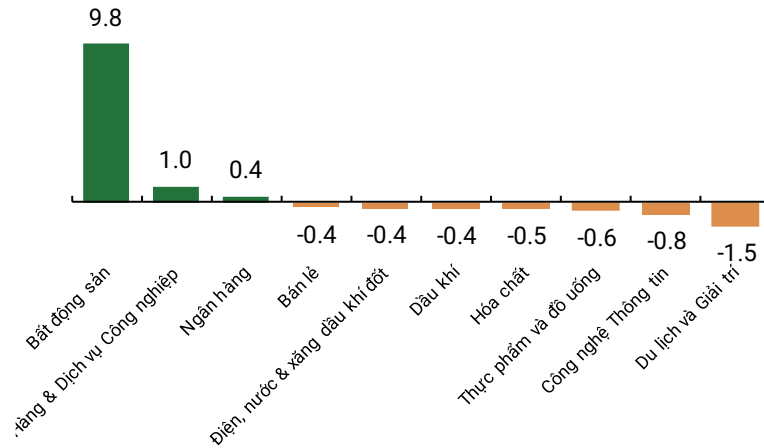
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.60%	1.3%	-7.5%	-4.1%
Dầu WTI	▼	-1.89%	0.7%	-10.1%	-5.4%
Khí gas	▲	13.1%	7.0%	-11.7%	10.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-6.7%	-13.7%	-18.7%
Thép HRC (*)	▼	-0.7%	-1.7%	-2.4%	2.2%
PVC (*)	▲	1.1%	-1.5%	-5.2%	-9.0%
Phân Urea (*)	▼	-17.5%	-17.5%	13.1%	17.3%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.5%	-0.4%	-12.4%	-13.1%
Bông Cotton	▬	0.0%	-1.9%	-6.5%	-13.0%
Đường	▬	0.6%	-2.4%	-17.1%	-29.9%
World Container Index	▼	-7.9%	-16.9%	-53.7%	-52.3%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.8%	9.9%	23.8%	33.2%
Vàng	▲	1.5%	10.7%	45.4%	43.6%
Bạc	▲	2.0%	18.3%	62.6%	48.8%

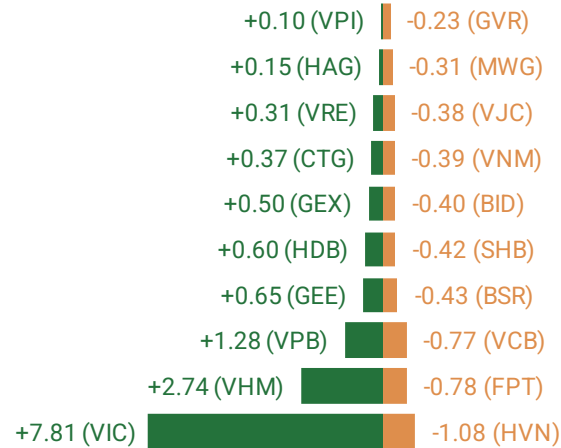
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

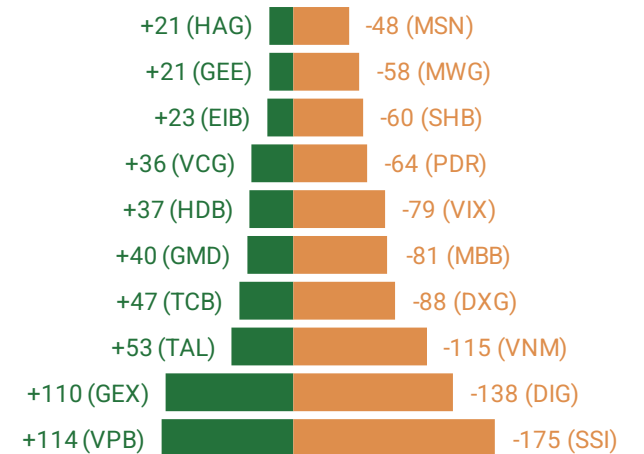
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



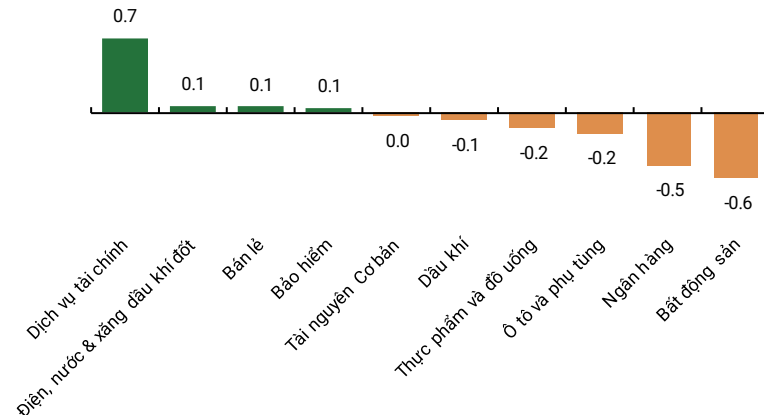
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



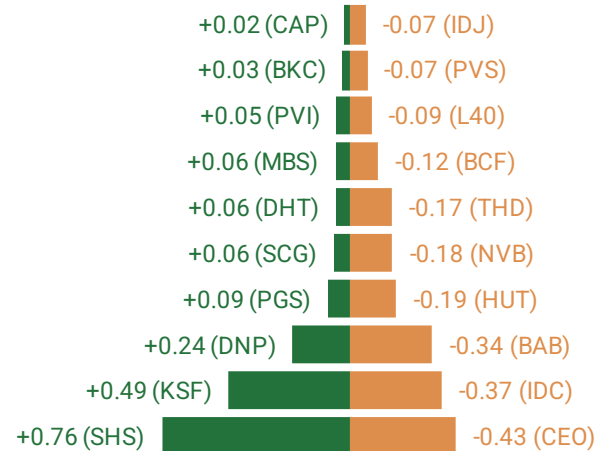
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



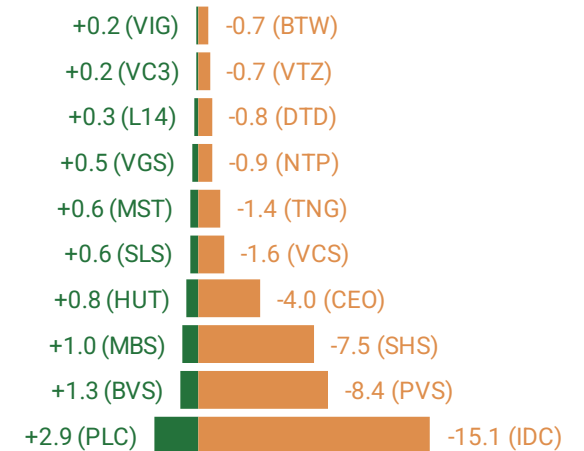
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



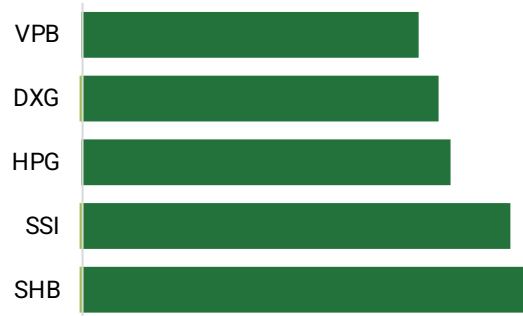
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	SSI	HPG	DXG	VPB
%DoD	-2.3%	-1.2%	0.2%	-4.0%	2.3%
Giá trị	1,344	1,294	1,112	1,074	1,018

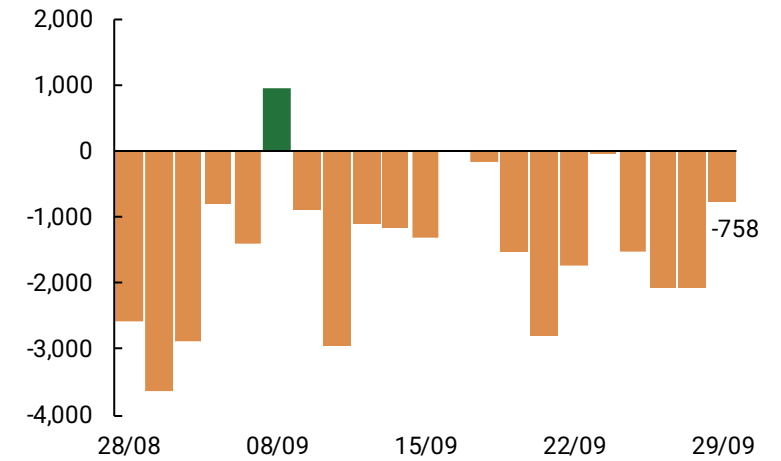
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VPB	STB	EIB	GEX	MSB
%DoD	2.3%	0.2%	-0.2%	4.5%	0.4%
Giá trị	773	514	400	347	253

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



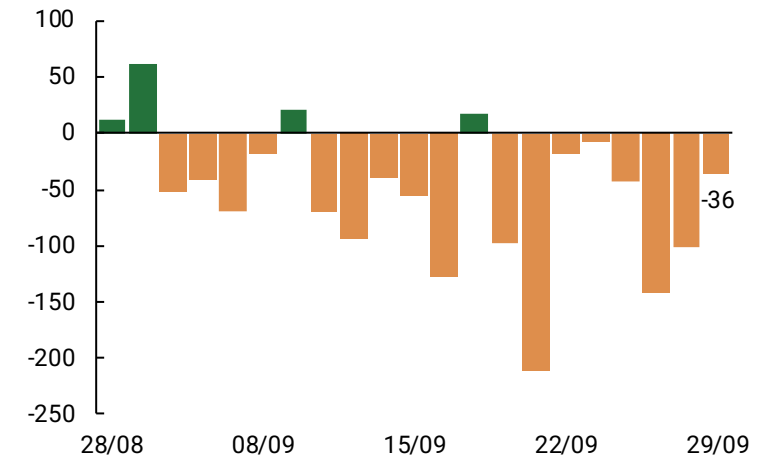
	CEO	SHS	MBS	IDC	PVS
%DoD	-2.2%	2.4%	0.9%	-2.7%	-0.6%
Giá trị	490	422	99	56	55

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	DNP	L40	IDC	CEO
%DoD	2.4%	7.3%	-10.0%	-2.7%	-2.2%
Giá trị	186	22	22	6	4

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting Star, vol giảm nhẹ.
- ✓ Hỗ trợ: 1590 – 1615.
- ✓ Kháng cự: 1680 - 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Lực cung tại vùng cản vẫn chi phối trong nỗ lực bứt phá khiến giá tạo bóng nến phía trên. Dù vậy, thanh khoản thấp cho thấy trạng thái vẫn nghiêng về giằng co. **Chỉ số có thể tiếp tục rung lắc củng cố thêm quanh ngưỡng 1660 (+/- 15 điểm).** Nếu bứt phá thành công kháng cự 1680 có thể kỳ vọng quay lại quán tính tăng. Trường hợp suy yếu tại cản và đảo chiều dưới ngưỡng 1640 điểm, áp lực điều chỉnh sẽ chi phối trở lại.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spining top, Vol tăng nhẹ.
- ✓ Hỗ trợ: 1770 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Vận động nhìn chung cân bằng quanh mốc 1860 điểm. Điểm đáng chú ý là thanh khoản tăng nhẹ trở lại cho thấy dòng tiền cải thiện ở nhóm vốn hóa lớn, có khả năng nhằm điều tiết chỉ số. **Xu hướng lưỡng lự có lẽ tiếp diễn với kháng cự gần là ngưỡng 1880 điểm, trong khi hỗ trợ duy trì động lượng quanh mức 1830 điểm.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	REE	SELL	Current price	65.0		P/E (x)	14.7
Exchange	HOSE		Action price	68	-4.4%	P/B (x)	1.8
Sector	Conventional Electricity		Selling price	29/09	65.0	EPS	4417.4
						ROE	12.6%
						Stock Rating	BBB
					Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vận động dưới MA20 ngày.
 - Thanh khoản tăng ở chiều giảm cho thấy lực cung chủ động.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu trong khi RSI cũng suy yếu về dưới mức 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro điều chỉnh sâu hơn nếu đánh mất hỗ trợ quanh ngưỡng 65.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh có thể tiếp tục.
- ➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp hồi, tránh rủi ro điều chỉnh sâu nếu đánh mất hỗ trợ.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	VNM	SELL	Current price	60.3		P/E (x)	14.7
Exchange	HOSE		Action price	61.5	-2.0%	P/B (x)	4.0
Sector	Food Products		Selling price	29/09	60.3	EPS	4100.7
						ROE	26.6%
						Stock Rating	A
					Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vận động dưới MA20 ngày và chưa thể hồi phục.
 - Thanh khoản tăng ở chiều giảm cho thấy lực cung chủ động.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu trong khi RSI cũng suy yếu về dưới mức 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro điều chỉnh sâu hơn nếu đánh mất hỗ trợ quanh ngưỡng 60.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh có thể tiếp tục.
- ➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp hồi, tránh rủi ro điều chỉnh sâu nếu đánh mất hỗ trợ.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	REE	Bán	29/09/2025	65.0	68.0	-4.4%	76.0	11.8%	64	-5.9%	Đà tăng suy yếu
2	VNM	Bán	29/09/2025	60.3	61.5	-2.0%	68.0	10.6%	58.5	-4.9%	Đà tăng suy yếu

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HPG	Mua	12/09/2025	-	28.60	29.2	-1.9%	33.0	13.2%	27.0	-7.4%	
2	KSB	Mua	15/09/2025	-	20.35	20.8	-2.2%	24.0	15.4%	19.0	-8.7%	
3	CTD	Mua	19/09/2025	-	80.60	81.8	-1.5%	92.0	12.5%	76.0	-7.1%	
4	HDC	Mua	25/09/2025	-	36.80	36.9	-0.1%	42.0	14.0%	34.0	-7.7%	
5	YEG	Mua	26/09/2025	-	14.75	14.7	0.7%	16.5	12.6%	13.6	-7.2%	
6	PVT	Mua	29/09/2025	-	18.50	18.5	0.0%	21.0	13.5%	17.5	-5.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại mức 1855.2 điểm, tăng gần 15 điểm (+0.83%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ lệch basis khoảng 7 điểm. Khối ngoại Mua ròng 143 HĐ, tương ứng hơn 25 tỷ đồng. Vận động phục hồi trong phần lớn thời gian giao dịch và hạ nhiệt về cuối phiên.
- Ở đồ thị 15p**, giá điều chỉnh về cận vùng hỗ trợ ngắn hạn quanh mức 1850 – 1854. Chỉ báo MACD có dấu hiệu cắt xuống đường tín hiệu trong khi RSI cũng đang trên đà giảm, cho thấy khả năng hạ nhiệt kiểm định lại hỗ trợ.
- Vị thế Long tham gia khi giá kiểm định thành công ngưỡng 1850, hoặc nếu vận động bút phá và củng cố trên ngưỡng 1864. Vị thế Short cân nhắc khi giá suy yếu dưới ngưỡng 1846.

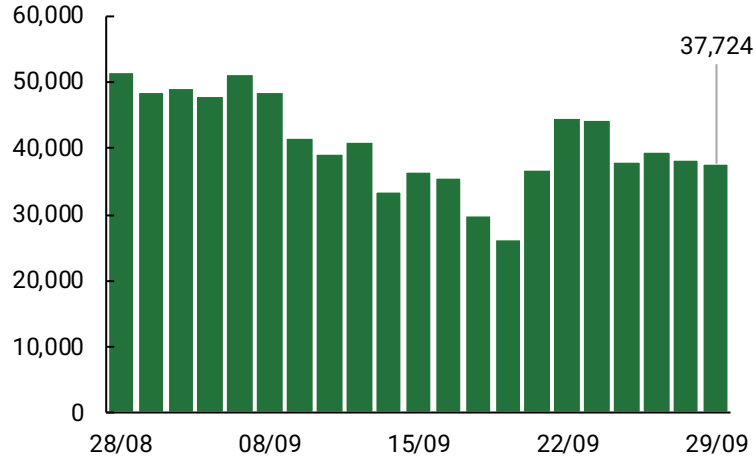
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.852	1.862	1.847	10 : 5
Short	< 1.846	1.834	1.852	12 : 6
Long	> 1.864	1.875	1.858	11 : 6

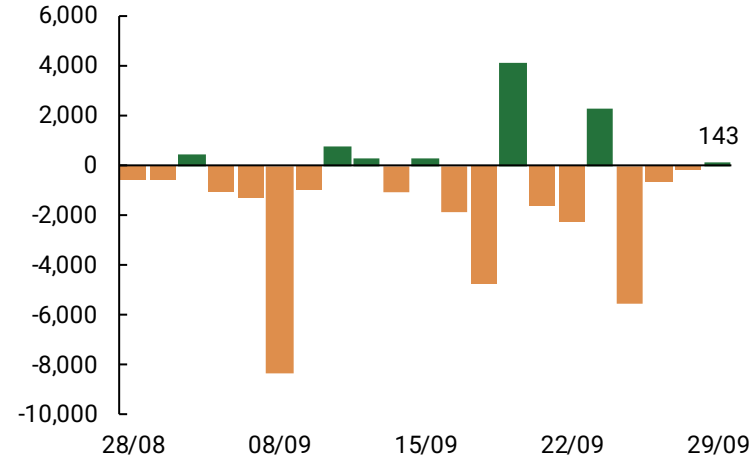
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
VN30 Index	1,862.2	9.6						
4111G3000	1,829.2	11.1	87	300	1,869.8	-40.6	19/03/2026	171
4111FB000	1,851.0	10.7	627	776	1,864.5	-13.5	20/11/2025	52
4111FA000	1,855.2	15.2	270,241	37,724	1,863.0	-7.8	16/10/2025	17
VN30F2512	1,851.0	12.0	183	1,425	1,865.8	-14.8	18/12/2025	80

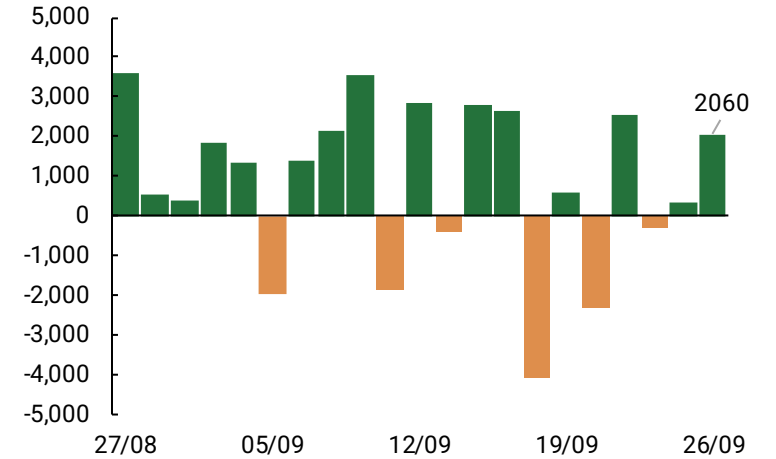
Khối lượng mở (Open interest)



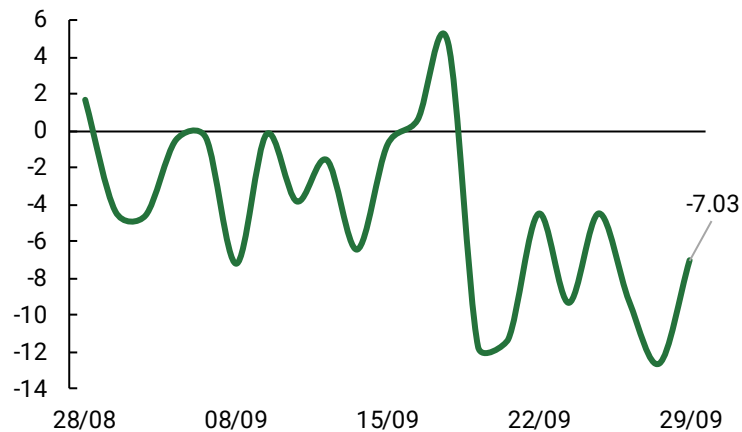
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



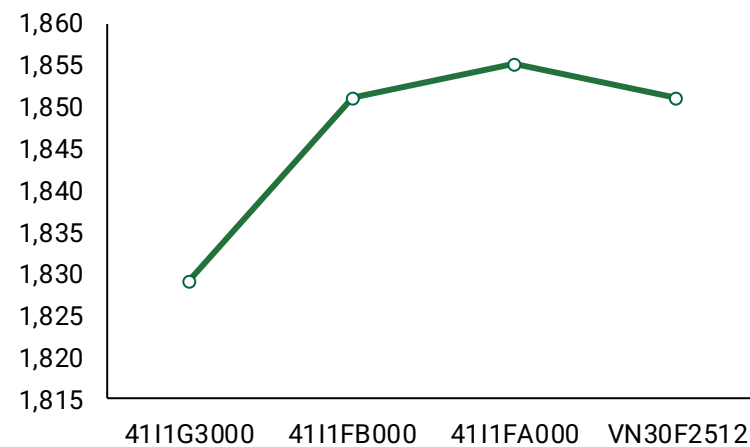
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



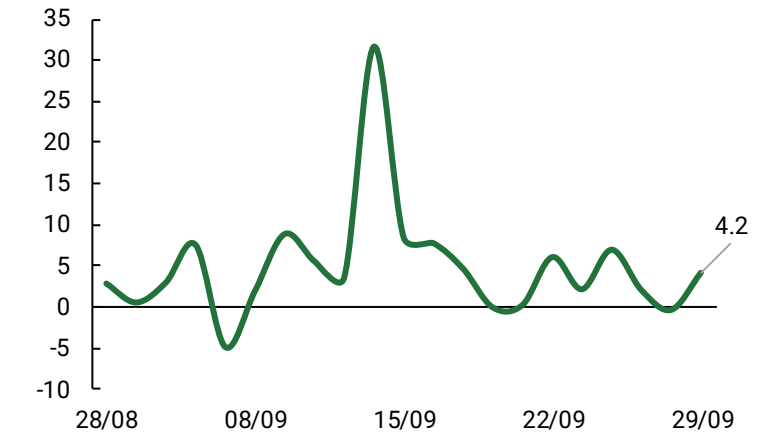
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,900	67,900	-8.1%	Giảm tỷ trọng
CTI	25,150	27,200	8.2%	Nắm giữ
DBD	53,800	68,000	26.4%	Mua
DDV	31,831	35,500	11.5%	Tăng tỷ trọng
DGC	94,000	102,300	8.8%	Nắm giữ
DGW	41,000	48,000	17.1%	Tăng tỷ trọng
DPR	38,200	41,500	8.6%	Nắm giữ
DRI	11,641	18,000	54.6%	Mua
EVF	13,150	14,400	9.5%	Nắm giữ
FRT	128,900	135,800	5.4%	Nắm giữ
GMD	69,800	72,700	4.2%	Nắm giữ
HAH	54,500	67,600	24.0%	Mua
HDG	32,950	33,800	2.6%	Nắm giữ
HHV	16,750	12,600	-24.8%	Bán
HPG	28,600	30,900	8.0%	Nắm giữ
IMP	52,700	55,000	4.4%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,150	22,700	-13.2%	Bán
MSH	35,100	47,100	34.2%	Mua
MWG	77,000	92,500	20.1%	Mua
NLG	41,800	43,600	4.3%	Nắm giữ
PHR	55,400	72,800	31.4%	Mua
PNJ	83,500	95,400	14.3%	Tăng tỷ trọng
PVT	18,500	18,900	2.2%	Nắm giữ
SAB	45,500	59,900	31.6%	Mua
TCB	38,750	36,650	-5.4%	Giảm tỷ trọng
TCM	30,000	38,400	28.0%	Mua
TRC	69,000	94,500	37.8%	Mua
VCG	28,000	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	55,500	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	60,300	69,500	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	30,350	17,900	-39.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

02/09	Việt Nam & Mỹ – Chỉ số PMI
05/09	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp Việt Nam - FTSE công bố danh mục
06/09	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN tháng 8 và 8 tháng
10/09	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
11/09	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Châu Âu – ECB họp báo
12/09	Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
18/09	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
19/09	Việt Nam – Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục Nhật Bản – BOJ công bố lãi suất
25/09	Mỹ - Số cuối cùng GDP
26/09	Mỹ - Chỉ số PCE lõi
30/09	Trung Quốc – PMI sản xuất

THÔNG TIN VĨ MÔ

Chính phủ ban hành Nghị định 254/2025/NĐ-CP về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công: Nghị định gồm 56 điều, quy định chi tiết về quản lý, thanh toán và quyết toán cho các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Mục tiêu là đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch, tránh thất thoát, lãng phí; bên cạnh đó bãi bỏ Nghị định 99/2021/NĐ-CP (trừ các trường hợp ngoại lệ) để làm rõ cơ chế quản lý mới.

Ông Trump công bố loạt thuế mới với xe tải, đồ nội thất và dược phẩm: Tổng thống Trump dự kiến áp thuế mới từ 1/10, gồm 25% với xe tải hạng nặng, 50% với tủ bếp và phòng tắm, 30% với đồ nội thất bọc đệm. Động thái này dựa trên Mục 232 của Đạo luật Mở rộng Thương mại, nhằm bảo vệ sản xuất nội địa. Bên cạnh đó, ông Trump cũng thông báo sẽ áp thuế quan 100% đối với dược phẩm có thương hiệu hoặc được cấp bằng sáng chế, trừ khi doanh nghiệp đang xây dựng nhà máy sản xuất tại Mỹ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

BAF - BAF và Muyuan hợp tác đầu tư 12,000 tỷ đồng xây dựng trang trại heo nhà cao tầng công nghệ cao tại Tây Ninh, quy mô 64,000 nái, sản lượng 1,6 triệu heo thịt/năm, kỳ vọng doanh thu 10,000 tỷ đồng/năm. Dự án ứng dụng công nghệ 5.0, tự động hóa, AI giúp kiểm soát dịch bệnh và tiết kiệm nhân công, được Chính phủ và địa phương chấp thuận, phù hợp xu thế phát triển ngành chăn nuôi hiện đại.

VCG - Vinaconex bổ nhiệm 2 Phó Tổng Giám đốc: Vinaconex bổ nhiệm ông Lê Văn Huy và ông Nguyễn Hải Đăng làm Phó Tổng Giám đốc, thời hạn 5 năm. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 giảm 23% về 478 tỷ đồng do đóng góp bất động sản thấp hơn so với cùng kỳ. Vinaconex đã thoái toàn bộ 51% vốn tại Vinaconex ITC, không còn là công ty con từ 1/8/2025.

DIG - Những doanh nghiệp đầu tiên báo lãi lớn quý III/2025: DIG đạt doanh thu hợp nhất 1,896 tỷ và lợi nhuận trước thuế 209 tỷ trong 9 tháng đầu năm 2025, lần lượt đạt 54% và 29% kế hoạch. Doanh thu gấp đôi, lợi nhuận gấp gần 5 lần cùng kỳ nhờ chuyển nhượng dự án Lam Hạ Center Point. Kế hoạch bán dự án Đại Phước với doanh thu 2,400 tỷ dự kiến hoàn thành Q4/2025, đẩy nhanh giải ngân từ Q4/2025 sau khi pháp lý được tháo gỡ.

BSR - Một doanh nghiệp đóng góp gần 45% vào tổng thu ngân sách tỉnh Quảng Ngãi: Tổng thu NSNN Quảng Ngãi 8 tháng đạt 21,487 tỷ đồng (-1.2%), trong đó BSR đóng góp 9,589 tỷ đồng (44.63%). BSR sản xuất 5.2 triệu tấn, doanh thu 93,104 tỷ, lợi nhuận vượt 142% kế hoạch. Năm 2025 đặt mục tiêu sản xuất 7.6 triệu tấn, doanh thu 140 nghìn tỷ, đẩy mạnh sản phẩm cao giá trị, mở rộng kinh doanh quốc tế và năng lượng tái tạo.

ACB lần thứ 9 liên tiếp góp mặt trong TOP 50 doanh nghiệp niêm yết kinh doanh hiệu quả, với lợi nhuận trước thuế 6,100 tỷ đồng quý II/2025, tăng 33%. ROE duy trì trên 20%, nợ xấu giảm còn 1,26%, tăng trưởng tín dụng 9,1% và huy động vốn 10,6%. Ngân hàng đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao trải nghiệm khách hàng và quản trị rủi ro hiệu quả.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415